

Số: 2026 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục, dự toán chi tiết và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, năm 2022.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BKHHCN ngày 22/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 -2025;

Căn cứ Thông tư số 348/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 -2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 1525/QĐ-BKHHCN ngày 04/6/2020 phê duyệt Danh mục đặt hàng các dự án thuộc Chương trình NTMN do Trung ương quản lý, bắt đầu thực hiện từ năm 2021; số 1480/QĐ-BKHHCN ngày 7/6/2021 phê duyệt Danh mục đặt hàng các dự án thuộc Chương trình NTMN do Trung ương quản lý, bắt đầu thực hiện từ năm 2022; số 46/QĐ-BKHHCN ngày 20/01/2022 về việc công nhận kết quả thực hiện dự án Chương trình Nông thôn miền núi;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 1823/QĐ-BKHHCN ngày 30/6/2020; số 615/QĐ-BKHHCN ngày 29/3/2021; số 1886/QĐ-BKHHCN ngày 13/7/2021 về việc phê duyệt kinh phí dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình Nông thôn miền núi;

Căn cứ Công văn số 3743/BKHHCN-KHTC ngày 20/12/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tại Tờ trình số 806/TTr-SKH&CN-STC ngày 03/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, năm 2022, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục và dự toán nhiệm vụ KH&CN mới thuộc Chương trình nông thôn miền núi do Trung ương quản lý

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN: 03 nhiệm vụ (*Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

1.2. Kinh phí thực hiện: 32.000,0 triệu đồng (*Ba mươi hai tỷ đồng*).

Trong đó:

- Ngân sách sự nghiệp KH&CN Trung ương: 12.720,0 triệu đồng;
- Ngân sách sự nghiệp KH&CN địa phương: 2.168,143 triệu đồng;
- Nguồn tự có và nguồn khác: 17.111,857 triệu đồng.

(Có dự toán chi tiết tại các Phụ lục: I.1, I.2, I.3 kèm theo)

2. Kinh phí cấp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, phân ngân sách nhà nước hỗ trợ năm 2022

2.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp kinh phí: 04 nhiệm vụ, trong đó:

- Nhiệm vụ mới (do Trung ương quản lý): 03 nhiệm vụ;
- Nhiệm vụ đã nghiệm thu (do Trung ương quản lý): 01 nhiệm vụ;

2.2. Tổng kinh phí cấp đợt này: 1.409,129 triệu đồng (Một tỷ, bốn trăm linh chín triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng), trong đó:

- Nhiệm vụ mới (03 nhiệm vụ): 990,0 triệu đồng;
- Nhiệm vụ đã nghiệm thu (01 nhiệm vụ): 419,129 triệu đồng.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2.3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện và ký kết hợp đồng nghiên cứu đối với các nhiệm vụ KH&CN mới; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện cấp kinh phí cho các đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của các đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

3. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai, thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về tính chính xác của số liệu, hồ sơ thẩm định nhiệm vụ KH&CN và việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- PCVP UBND tỉnh Cao Thanh Tùng;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục I

DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN MỚI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chủ yếu; dự kiến sản phẩm chính	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
1	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhân giống, trồng, chế biến và tiêu thụ cây Sả (Cymbopogon) tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Nghệ Việt	Về mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện dự án: Theo Quyết định số 1525/QĐ-BKH&CN ngày 04/6/2020 của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt Danh mục đặt hàng các dự án thuộc Chương trình NTMN do Trung ương quản lý, bắt đầu thực hiện từ năm 2021.	11000	4390,0	575,875	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.1 kèm theo
2	Dự án: Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất hoa lan Hồ điệp, dưa chuột Baby, dưa Kim hoàng hậu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH MTV DVTM Nông nghiệp Công nghệ cao Thiên Trường 36	Về mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện dự án: Theo Quyết định số 1525/QĐ-BKH&CN ngày 04/6/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt Danh mục đặt hàng các dự án thuộc Chương trình NTMN do Trung ương quản lý, bắt đầu thực hiện từ năm 2021.	10000	3660,0	994,86	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.2 kèm theo
3	Dự án: “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ Sen (Nelumbo nucifera) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Về mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện dự án: Theo Quyết định số 1480/QĐ-BKH&CN ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt Danh mục đặt hàng các dự án thuộc Chương trình NTMN do Trung ương quản lý, bắt đầu thực hiện từ năm 2022.	11000	4670,0	597,408	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.3 kèm theo
Cộng				32000	12720	2168,143	

Phụ lục I.1

Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhân giống, trồng, chế biến và tiêu thụ cây Sả (Cymbopogon) tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH TW (Đã được Bộ KH&CN phê duyet)	SNKH địa phương		Tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	658,0	450,0	0	0	208,000
2	Đào tạo, tập huấn	230,0	230,0	0	0	0
3	Nguyên vật liệu năng lượng	6.653,395	1.760,0	450,0	0	4.443,395
4	Thiết bị máy móc	1.760,0	1.200,0	0	0	560,0
5	Xây dựng cơ bản	0	0	0	0	0
6	Công lao động	1.348,605	400,0	125,875	125,875	822,73
7	Chi khác	350,0	350,0	0	0	0
	Tổng	11.000	4.390,0	575,875	125,875	6.034,125

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận số 2366/SKH-CN-KLTD ngày 27/12/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.2

Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất hoa lan Hồ điệp, dưa chuột Baby, dưa Kim hoàng hậu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó (Triệu đồng)			
			SNKH TW (Đã được Bộ KH&CN phê duyet)	SNKH địa phương		Tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	450,00	450,00	0	0	0
2	Đào tạo, tập huấn	230,00	230,00	0	0	0
3	Nguyên vật liệu năng lượng	7.846,16	2.330,00	549,20	0	4.966,96
4	Thiết bị máy móc	0	0	0	0	0
5	Xây dựng cơ bản	0	0	0	0	0
6	Công lao động	1.078,18	350,00	350,00	350,00	378,18
7	Chi khác	395,66	300,00	95,66	95,66	0
	Tổng	10.000	3.660,00	994,86	445,66	5345,14

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận số 556/KLTĐ-SKHCN ngày 27/4/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.3**Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ Sen (*Nelumbo nucifera*) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH TW (Đã được Bộ KH&CN phê duyet)	SNKH địa phương		Tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	538,477	495,000	0	0	43,477
2	Đào tạo, tập huấn	270,000	270,000	0	0	0
3	Nguyên vật liệu năng lượng	4.616,850	2.300,000	0	0	2.316,850
4	Thiết bị máy móc	1.803,600	900,000	0	0	903,600
5	Xây dựng cơ bản	86,575	0	0	0	86,575
6	Công lao động	2.917,515	350,0	419,584	419,584	2.147,931
7	Chi khác	766,983	355,000	177,824	177,824	234,159
	Tổng	11.000	4.670,000	597,408	597,408	5.732,592

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận số 342/KLTD-SKHCHN ngày 23/3/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục II

**CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ CHO NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ, NĂM 2022.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí								
				Tổng số	Trong đó		Đã cấp	Trong đó		Cấp đợt này	Trong đó	
					SNKH TW	SNKH ĐP		SNKH TW	SNKH ĐP		SNKH TW	SNKH ĐP
I	Nhiệm vụ KH&CN mới			32.000	12.720	2.168,143	1.400	1.400	0	990,0	0	990,0
1	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhân giống, trồng, chế biến và tiêu thụ cây Sả (Cymbopogon) tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần nghệ Việt	30 tháng	11.000	4.390,0	575,875	800,0	800,0	0	250,0	0	250,0
2	Dự án: Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất hoa lan Hồ điệp, dưa chuột Baby, dưa Kim hoàng hậu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH MTV DVTM Nông nghiệp công nghệ cao Thiên Trường 36	30 tháng	10.000	3660,00	994,86	600,0	600,0	0	450,0	0	450,0

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí								
				Tổng số	Trong đó		Đã cấp	Trong đó		Cấp đợt này	Trong đó	
					SNKH TW	SNKH ĐP		SNKH TW	SNKH ĐP		SNKH TW	SNKH ĐP
3	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ Sen (<i>Nelumbo nucifera</i>) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	36 tháng	11.000	4.670	597,408	0	0	0	290,0	0	290,0
II	Nhiệm vụ KH&CN đã nghiệm thu, quyết toán			11.998,993	4.630	1.457,993	5668,864	4.630,0	1.038,864	419,129	0	419,129
1	Dự án: Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nhân giống và sản xuất các giống cam V2, CT36, BH chất lượng cao tại vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	48 tháng	11.998,993	4.630	1.457,993	5668,864	4.630,0	1.038,864	419,129	0	419,129
Tổng (I+II):				43998,993	17350	3626,136	7068,864	6030	1.038,864	1409,129	0	1409,129